

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,
TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M M.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn T S;

2/ Ông Đặng Văn M1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh

B

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T – Sinh năm 1978.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U – Sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã T, Huyện H, tỉnh B

Đương sự có mặt: Bà T; Đương sự vắng mặt: Ông U

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2021, bản khai của nguyên đơn bà Trương Thị T khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn U cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, Huyện H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu trong thời gian 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại xã T, Huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông U có người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm đến bà, sống rất độc đoán như giữ tiền bạc, khi bà nói thì ông đánh đập. Gần đây thì cờ bạc về nhà chửi mắng bà suốt đêm, không xem trọng bà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Quốc H – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn M1 H1 – sinh ngày 20/10/2007. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên H1 và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, do ông Nguyễn Văn U vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn U cố tình vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được ghi nhận ý kiến của bên nguyên đơn để làm căn cứ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn D, xã T, Hện H, tỉnh Bnên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện H, tỉnh Bđược quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn U cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, Hện H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày số 19, quyển số 01/2002 ngày 26/3/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do ông U có người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm đến bà, sống rất độc đoán như giữ tiền bạc, khi bà nói thì ông đánh đập, cờ bạc về nhà chửi mắng bà suốt đêm, không xem trọng bà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn U nhưng ông U cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Tyết và ông Nguyễn Văn U thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Trương Thị T là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Quốc H – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn M1 H1 – sinh ngày 20/10/2007.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn M1 H1 – sinh ngày 20/10/2007, không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con tên Nguyễn Quốc H đã trưởng thành tự lo cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con của bà Trương Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các con tên Nguyễn M1 H1 có nguyện vọng ở với bà T, từ khi vợ chồng còn chung sống với nhau con do bà T chăm sóc, giáo dục, ông U không đến Tòa để nêu ý kiến của ông. Vì vậy, giao các con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà Trương Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2. *Về con chung:*

Bà Trương Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn M1 H1 – sinh ngày 20/10/2007.

Bà Trương Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*

Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Trương Thị T đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005827 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện H, tỉnh Bnên không nộp nữa.

Ông Nguyễn Văn U không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo :*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B ;
- VKSND Hện H;
- Chi cục THADS H;
- **UBND xã T;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị M M